



BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HK1 (2018 - 2019) NĂM HỌC 2018-2019

Lớp: 18T4-CN01

Ngành: Công nghệ ô tô

Chuyên ngành: Công nghệ ô tô

Khóa học: 2018-2021

Bậc đào tạo: Trung cấp

Loại đào tạo: Chính quy 3 năm

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Chính trị		Pháp luật		Giáo dục thể chất		Động cơ đốt trong		Ngữ văn 1		Toán 1		Kỹ năng mềm		Rèn luyện		Học lực				Ghi chú
				2		1		1		3		4		4		3		Điểm	Xếp loại	Điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ	Xếp loại	
				L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2							
1	18000122	Nguyễn Minh Đức	Anh	5.6		6		5.3		2.2		1.3		1				0		2.36	0.43	F	Kém	Cánh cao học vu lần
2	18000197	Từ Phạm Quân	Bảo	5.1		5.6		6		2		6.6		1				0		3.73	0.86	F	Kém	Học tiếp
3	18000044	Phan Thanh	Bình	5.4		6.4		5.7		5.5		7		7.2				0		6.46	2.43	C	Trung bình	Học tiếp
4	18000037	Trần Công	Chính	6.4		6.6		9		5.6		4.8		5.3				0		5.47	1.43	D	Trung bình yếu	Học tiếp
5	18000267	Phạm Đắc	Danh	0		0		0		0		0		0				0		0	0	F	Kém	Cánh cao học vu lần
6	18000045	Huỳnh Tấn	Đạt	5		7		5		4.1		6.4		4				0		5.06	1.43	D	Trung bình yếu	Học tiếp
7	18000132	Nguyễn Thành	Đạt	5.7		5.7		7.7		4.2		6.6		6.4				0		5.84	1.79	C	Trung bình	Học tiếp
8	18000116	Trương Gia	Định	8.7		6		6.3		3.9		6.2		3.7				0		5.34	1.29	D	Trung bình yếu	Học tiếp
9	18000048	Hoàng Tiến	Dũng	4.4		4.8		6		4.8		6.3		4.5				0		5.09	1.29	D	Trung bình yếu	Học tiếp
10	18000157	Nguyễn Tiến	Dũng	0		0		0		0		0		0				0		0	0	F	Kém	Cánh cao học vu lần
11	18000237	Võ Quốc	Duy	2.3		4.5		7		4.4		5		0.9				0		3.28	0.57	F	Kém	Học tiếp
12	18000097	Lưu Đình Trường	Giang	2.8		6		6.7		4.8		5.1		1.9				0		3.86	0.64	F	Kém	Học tiếp
13	18000017	Lê Thị Kim	Hằng	9		6.4		9.7		6.4		7.3		7				0		7.2	2.86	B	Khá	Học tiếp
14	18000135	Hồ Văn Nhật	Hào	0		6.3		2.7		0		0.7		0				0		0.65	0.14	F	Kém	Cánh cao học vu lần
15	18000209	Nguyễn Huỳnh Hồ	Hiếu	6.6		6.6		7		5.4		6.7		6.6				0		6.37	1.79	C	Trung bình	Học tiếp
16	18000447	Trần Minh	Hiếu	5.1		5.4		8		4.2		5.1		4.7				0		4.81	1	D	Trung bình yếu	Học tiếp
17	18000251	Ngô Quang	Hợp	5		5.6		5.7		2.7		5.8		3.3				0		4.29	0.86	D	Trung bình yếu	Học tiếp
18	18000089	Vũ Mạnh	Hùng	5.8		6		8		6.4		6.4		5.2				0		5.94	1.71	C	Trung bình	Học tiếp
19	18000057	Lương Ngọc	Huy	4.2		6.3		5.7		5		5.9		5.5				0		5.38	1.64	D	Trung bình yếu	Học tiếp
20	18000125	Nguyễn Gia	Huy	3.5		6.3		6		4.8		6.6		4				0		5.01	1.21	D	Trung bình yếu	Học tiếp
21	18000234	Nguyễn Nhật	Huy	3.7		2.8		7		5		5.5		3				0		4.23	0.79	D	Trung bình yếu	Học tiếp
22	18000088	Nguyễn Trần Đình	Huy	4.6		5.1		6.3		2.8		4.8		2.4				0		3.68	0.5	F	Kém	Học tiếp
23	18000060	Nguyễn Hồ Hoàng	Huỳnh	5.2		5.7		7		4.7		4.3		3				0		4.24	0.79	D	Trung bình yếu	Học tiếp
24	18000275	Trương Minh	Kha	6.4		5.8		6.7		5.8		5.8		6.4				0		6.06	2	C	Trung bình	Học tiếp
25	18000268	Dương Tấn	Khang	7.2		6.3		6.7		5.1		6		6.4				0		6.11	1.93	C	Trung bình	Học tiếp
26	18000145	Hoàng Ngọc	Khánh	2.2		2.6		0		2.4		2.8		0				0		1.81	0	F	Kém	Cánh cao học vu lần
27	18000098	Lê Quốc	Khánh	7.2		6		7.7		5.4		2.9		7.8				0		5.67	1.64	C	Trung bình	Học tiếp
28	18000101	Nguyễn Đăng	Khoa	5.1		5.7		8		4.6		5		2.1				0		4.15	0.79	D	Trung bình yếu	Học tiếp

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Chính trị		Pháp luật		Giáo dục thể chất		Động cơ đốt trong		Ngữ văn 1		Toán 1		Kỹ năng mềm		Rèn luyện		Học lực				Ghi chú
				2		1		1		3		4		4		3		Điểm	Xếp loại	Điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ	Xếp loại	
				L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2	L1	L2							
29	18000093	Nguyễn Lê Anh	Khôi	6.1		6		6.3		5.8		7.5		5.9				0		6.37	2.29	C	Trung bình	Học tiếp
30	18000065	Nguyễn Văn	Kỳ	4.1		5.4		6.3		4.8		6.2		5.4				0		5.31	1.29	D	Trung bình yếu	Học tiếp
31	18000169	Nguyễn Đôn Thảo	Lân	5.3		6.7		9.7		5.7		7.4		9.2				0		7.2	2.71	B	Khá	Học tiếp
32	18000082	Phạm Quang	Linh	3.1		2.4		6.3		2.3		6		6.2				0		4.59	1.14	D	Trung bình yếu	Học tiếp
33	18000152	Đặng Thành	Lộc	2.1		6.6		2.3		0		0.8		2.2				0		1.63	0.14	F	Kém	Cánh cao học vu lần
34	18000196	Lê Hữu	Lộc	2.8		6.8		7.3		1.2		5.5		2				0		3.29	0.71	F	Kém	Học tiếp
35	18000211	Lý Hữu	Lợi	7.4		7.2		7.7		5.1		6.8		3.9				0		5.72	1.43	C	Trung bình	Học tiếp
36	18000262	Phan Văn	Lợi	2.3		5.6		7		2.4		7		3.2				0		4.16	1	D	Trung bình yếu	Học tiếp
37	18000004	Võ Phương	Nam	2.9		2.7		10		6		5.9		3.6				0		4.61	1	D	Trung bình yếu	Học tiếp
38	18000221	Lê Văn	Ngà	2.7		5.4		8.3		3.4		4.9		1.8				0		3.41	0.36	F	Kém	Học tiếp
39	18000064	Đoàn Hữu	Nghĩa	4.9		6.3		7.7		4.3		7		5.6				0		5.67	1.93	C	Trung bình	Học tiếp
40	18000085	Trần Kim	Nghĩa	2.2		5.7		0		5.5		0.4		1.1				0		2.33	0.57	F	Kém	Cánh cao học vu lần
41	18000024	Trần Hữu	Nguyên	6.9		5.7		5.7		3		5.1		4.3				0		4.72	1	D	Trung bình yếu	Học tiếp
42	18000100	La Bảo	Phát	5.5		5.7		6.7		3.7		5.7		4.3				0		4.84	1.29	D	Trung bình yếu	Học tiếp
43	18000227	Phạm Tấn	Phát	4.6		5.4		7.3		3.7		5.5		3.4				0		4.38	0.79	D	Trung bình yếu	Học tiếp
44	18000173	Dương Quốc	Phi	4.5		5.4		5.3		0		5.4		2.3				0		3.23	0.5	F	Kém	Học tiếp
45	18000063	Hoa Tiền	Phong	3.2		5.7		6.7		4.7		5.8		2.9				0		4.36	0.93	D	Trung bình yếu	Học tiếp
46	18000051	Nguyễn Hùng	Phong	2.2		5.4		6.3		0		2.7		2.4				0		2.16	0.07	F	Kém	Cánh cao học vu lần
47	18000053	Ngô Lê Trường	Phúc	5.2		6		8		4.2		5		1.9				0		4.04	0.79	D	Trung bình yếu	Học tiếp
48	18000156	Trần Hoàng	Quân	0		4.5		6.3		2.8		3.4		0				0		1.89	0.07	F	Kém	Cánh cao học vu lần
49	18000164	Nguyễn Thanh	Quang	3.3		4.8		7.7		4.8		5.4		2.5				0		4.1	0.57	D	Trung bình yếu	Học tiếp
50	18000238	Nguyễn Công	Quyền	0.7		0		0		0		0.2		0				0		0.16	0	F	Kém	Cánh cao học vu lần
51	18000160	Trần Thanh	Sơn	5.6		3.9		7		2.7		6.3		4.4				0		4.71	1.14	D	Trung bình yếu	Học tiếp
52	18000200	Ngô Minh	Tâm	5.6		5.1		7.3		4.3		6.6		5.9				0		5.66	1.71	C	Trung bình	Học tiếp
53	18000193	Nguyễn Quốc	Thái	5.2		5.7		7.3		4.2		6.4		5.3				0		5.39	1.36	D	Trung bình yếu	Học tiếp
54	18000213	Lê Công	Thành	4.8		5.7		5.7		3.4		4.3		3.8				0		4.14	0.57	D	Trung bình yếu	Học tiếp
55	18000249	Trần Hòa	Thuận	0.4		5.7		2.7		0		0.3		0.1				0		0.58	0.14	F	Kém	Cánh cao học vu lần
56	18000001	Hồ Văn	Trung	2.4		5.8		6.7		1.9		2.1		0.5				0		1.91	0.14	F	Kém	Cánh cao học vu lần
57	18000167	Nguyễn Thế Quang	Trung	3.8		6		5.3		2.9		4.4		1.9				0		3.39	0.43	F	Kém	Học tiếp
58	18000216	Lê Quốc	Vũ	6.8		5.7		7.3		2.8		6.4		3.1				0		4.69	1	D	Trung bình yếu	Học tiếp

*Danh sách có 58 sinh viên

Trong đó

Học lực			Hạnh kiểm		
Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ %	Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ %
Xuất sắc		0	Xuất sắc		0

HIỆU TRƯỞNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2019

PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO